TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/DS-ST
Ngày: 26-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Be;

2. Ông Nguyễn Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Huệ Thư, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09, 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXX-DS ngày 13 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị Ngọc L, sinh năm 1993; Địa chỉ cư trú: Đường VVT, khu phố M, phường H, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị L: Anh Trương Long G, sinh năm 1993; Địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh (Văn bản uỷ quyền ngày 10-4-2023). Có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1963; Địa chỉ cư trú: Ấp BH, xã TB, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà B: Chị Nguyễn Trần Huỳnh N, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: Ấp BH, xã TB, huyện CT, tỉnh Tây Ninh (Văn bản uỷ quyền ngày 07-4-2023). Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Trần Huỳnh N, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: Ấp BH, xã TB, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

+ Chị Nguyễn Huỳnh Ngọc M, sinh năm 1995; Địa chỉ cư trú: Đường T, khu phố HT, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 30-12-2022, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Thị Ngọc L và người đại diện theo uỷ quyền anh Trương Long G trình bày:*** Chị và chị Nguyễn Huỳnh Ngọc M là bạn bè, có làm ăn chung với nhau trong lĩnh vực đất đai, cho vay tiền. Ngày 24-11-2022 bà Bcó ký nhận giấy mượn tiền vay của chị số tiền 60.000.000 đồng để chuộc sổ đỏ, lãi suất thoả thuận miệng 5%/tháng, thời hạn vay 01 tuần kể từ ngày vay, bà B có ký xác nhận mượn tiền giao bản chính cho chị giữ. Trên thực tế chị giao số tiền 60.500.000 đồng cho bà B vay tiền. Cùng ngày trên, bà B còn vay của chị số tiền 4.500.000 đồng để làm hồ sơ, không thoả thuận lãi suất, thời hạn vay 01 tuần, các bên không làm giấy tờ vay tiền. Do bà B không trả nợ cho chị nên chị làm đơn khởi kiện ngày 30-12-2022 buộc bà B phải trả cho chị số tiền vay tổng cộng là 65.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L cung cấp 03 đoạn file ghi âm thể hiện cuộc nói chuyện giữa chị và chị M xác định số tiền cho bà B vay là tiền của chị và chị M hứa sẽ thanh toán cho chị nếu nhận được của bà Bình. Chị xin rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện buộc bà B trả lại số tiền vay 4.500.000 đồng do không có chứng cứ chứng minh.

Tại phiên toà, chị yêu cầu bà B phải trả cho chị số tiền vay 60.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi do bà B ký giấy nhận nợ với chị, số tiền 60.500.000 đồng là của chị cho bà B vay, không phải tiền của chị M vì chính chị là người đưa tiền và chị M cầm chuyền tay đưa cho bà B. Việc bà B và chị N giao số tiền 62.900.000 đồng cho chị M là việc riêng giữa họ, chị chưa nhận được tiền của bà B trả nợ.

**** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị B và người đại diện theo uỷ quyền của bà là chị Nguyễn Trần Huỳnh N trình bày:*** Ngày 24-11-2022 bà và con gái ruột Nguyễn Trần Huỳnh N có đến gặp chị M, chị L để vay tiền nhằm mục đích chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà B. Tại thời điểm bà vay tiền có mặt chị L, chị M nhưng người giao tiền cho bà B là chị M. Bà B có ký nhận vào giấy nợ ngày 24-11-2022 do chị M viết với nội dung bà vay tiền của chị Hà Thị Ngọc L số tiền 60.000.000 đồng để chuộc sổ đỏ, thời hạn vay: 01 tuần kể từ ngày vay, giao cho chị L giữ bản chính giấy nợ. Sau 01 tuần, chị N và bà B đã trả cho chị M số tiền 62.900.000 đồng, trong đó 60.5000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi 2.400.000 đồng nhưng không lấy lại bản chính giấy nợ gốc, không lập biên bản giao nhận. Bà B không vay số tiền 4.500.000 đồng của chị L để làm hồ sơ.

Nay bà B không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L vì bà nhận tiền vay của chị M và đã trả xong tiền nợ cho chị M. Trong vụ án này bà không yêu cầu chị M phải trả lại số tiền 62.900.000 đồng cho bà.

**** Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Huỳnh Ngọc M trình bày:*** Chị biết được thông tin bà B muốn vay số tiền 120.000.000

đồng để chuộc sổ đỏ. Chị và chị L có làm ăn chung với nhau nên có nói với chị L mỗi người hùn hợp cho bà B vay số tiền 60.000.000 đồng. Do giấy tờ đất của bà B trục trặc nên các bên không làm được hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vì thế bà B chỉ vay số tiền 60.500.000 đồng. Trong quá trình cho bà B vay tiền chị và chị L đều đi cùng nhau, đến gặp bà B, chị N.

Do suy nghĩ chị và chị L làm ăn chung với nhau nên ai đứng tên trong giấy nợ cũng được, ngày 24-11-2022 sau khi giao cho bà B số tiền 60.500.000 đồng, chị trực tiếp viết giấy nợ với nội dung bà B có vay của chị L số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn 1 tuần, không thoả thuận lãi suất, đưa cho bà B ký tên xác nhận và giao bản chính giấy nợ cho chị L giữ. Sau 01 tuần bà B và chị N đã trả cho chị số tiền 62.900.000 đồng trong đó nợ gốc 60.500.000 đồng, tiền lãi là 2.400.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà chị M giữ nguyên ý kiến trình bày nêu trên. Chị thừa nhận giọng nói trong các file ghi âm ngày 20-12-2022 do chị L cung cấp là giọng nói của chị và của chị L nói chuyện với nhau về khoản nợ của bà B, nội dung file ghi âm không bị cắt ghép, chị hứa sẽ thanh toán tiền cho chị L khi nhận được tiền của bà B, chị N.

Vì có mâu thuẫn với chị L nên tại thời điểm ghi âm ngày 20-12-222 chị đã không nói cho chị L biết đã nhận số tiền 62.900.000 đồng của bà B, chị N. Nay chị L đưa giấy nợ đến Toà án để khởi kiện buộc bà B trả nợ là không đúng vì chị là người giao số tiền 60.500.000 đồng cho bà B, đây là số tiền của chị, không phải tiền của chị L.

**** Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Trần Huỳnh N trình bày:*** Chị là con gái ruột của bà B, có đứng ra trực tiếp giao dịch vay tiền với chị L, chị M. Ngày 24-11-2022 chị và bà B đến gặp chị L và chị M để vay tiền. Giấy nợ ngày 24-11-2022 do chị M viết, bà B có ký tên xác nhận vay số tiền 60.000.000 đồng của chị L. Lúc đó chị M đi cùng chị L và chị M là người đưa số tiền 60.500.000 đồng cho bà B. Đến ngày 01-12-2022 chị và bà B đã trả số tiền 62.900.000 đồng cho chị M, trong đó nợ gốc 60.500.000 đồng, tiền lãi 2.400.000 đồng nhưng chị không lấy lại giấy nợ gốc và không lập biên bản giao nhận đã trả tiền.

Chị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L do bà B đã trả nợ xong cho chị M vì chị M, chị L là người làm ăn chung với nhau, chị M trực tiếp giao tiền cho bà B.

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh*:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ Dân sự; Điều 147, 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-

2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Thị Ngọc L. Buộc bà Trần Thị B phải trả cho chị Hà Thị Ngọc L số tiền nợ gốc 60.500.000 đồng. Ghi nhận chị L không yêu cầu tính lãi.

Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị L buộc bà B trả số tiền vay 4.500.000 đồng để làm hồ sơ.

Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Hà Thị Ngọc L khởi kiện bà Trần Thị B cư trú tại xã TB, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh có nghĩa vụ trả tiền nợ vay. Do vậy xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên toà ngày 09-5-2023 người đại diện theo uỷ quyền của chị L cung cấp file ghi âm cuộc nói chuyện giữa chị L và chị M về khoản nợ của bà B. Căn cứ Điều 259 Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên toà để làm việc với các đương sự về nội dung file ghi âm, đến ngày 26-5-2023 phiên toà tiếp tục diễn ra.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn chị Hà Thị Ngọc L yêu cầu bà Trần Thị B trả cho chị L số tiền nợ gốc 60.500.000 đồng. Tuy nhiên bị đơn bà Trần Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Trần Huỳnh N, chị Nguyễn Huỳnh Ngọc M không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L với lý do cho rằng số tiền bà B vay 60.500.000 đồng là của chị M do chị M trực tiếp giao tiền và bà Bình, chị N đã trả nợ số tiền 62.900.000 đồng cho chị M. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy:

[2.1]. Về khoản tiền nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất trong suốt quá trình thực hiện giao dịch cho bà B vay tiền đều có mặt của chị L, chị M, bà B, chị N. Chị L trình bày chị là người đưa số tiền 60.500.000 đồng để chị M cầm chuyền tay giao cho bà B vay, lời trình bày này phù hợp với nội dung Giấy mượn tiền ngày 24-11-2022 do chính chị M tự viết "*bà Trần Thị B mượn của bà Hà Thị Ngọc L số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn 01 tuần*", được bà Trần Thị B ký tên xác nhận người mượn tiền (bút lục 19) và chị L là người giữ bản chính giấy mượn tiền cung cấp cho Toà án. Trong giấy mượn tiền, các bên thống nhất ghi số tiền vay là 60.000.000 đồng để làm tròn số còn thực tế bà B vay và nhận số tiền 60.500.000 đồng.

Mặt khác, phía nguyên đơn cung cấp 03 đoạn File ghi âm ngày 20-12-2022 ghi lại cuộc nói chuyện giữa chị M và chị L trong đó thể hiện chị M thừa nhận số tiền cho bà B vay là của chị L, chị M đã nói: "*Vì bả vẫn còn đó, giấy nợ mày cũng còn giữ …Vấn đề mày nóng ruột tiền của mày*"… "*Thứ nhất, nếu sáng mai chị N chỉ nói trả tiền cho tao rồi mà tao không đưa cho mày thì nắm đầu tao tại đó. Thứ hai nếu chị N chỉ mới chưa giải quyết tiền cho tao thì mày tự*

giải quyết với chỉ và buộc lòng tụi bây phải xin lỗi tao cho hợp". Như vậy chị M trình bày số tiền 60.500.000 đồng là tiền của chị M cho bà B vay là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Đồng thời bị đơn bà B xác định vay tiền của chị L nhưng do chị M nói làm ăn chung với chị L, đứng ra giao dịch khi vay tiền nên bà B, chị N mới tin tưởng trả cho chị M số tiền 62.900.000 đồng (gồm tiền nợ gốc 60.500.000 đồng, tiền lãi 2.400.000 đồng) vào ngày 01-12-2022 mà không lấy lại bản chính giấy nợ, không lập biên bản giao nhận.

Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở xác định trên thực tế bà B có vay số tiền 60.500.000 đồng của chị L nên bà B phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị L, không phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị M. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho chị Hà Thị Ngọc L số tiền nợ gốc 60.500.000 đồng.

- Về tiền lãi: Tại phiên toà chị L không yêu cầu tính tiền lãi nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3]. Ngày 18-4-2023 chị L làm đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện buộc bà B trả số tiền vay là 4.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện này của chị L theo quy định tại Điều 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự có quyền khởi kiện lại để yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

[2.4]. Trong vụ án này do bà B, chị N không yêu cầu chị M trả lại số tiền 62.900.000 đồng nên yêu cầu này sẽ được xem xét, giải quyết ở vụ kiện khác theo quy định pháp luật khi các đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật: 60.500.000 đồng x 5% = 3.025.000 đồng.

+ Chị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp 1.625.000 đồng tại biên lai thu số 0018112 ngày 06-01-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Ngọc L về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" đối với bà Trần Thị B.

1.1. Buộc bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho chị Hà Thị Ngọc L số tiền nợ gốc là 60.500.000 (Sáu mươi triệu năm trăm nghìn) đồng. Ghi nhận chị L không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Ngọc L buộc bà Trần Thị B trả số tiền vay 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng. Đương sự có quyền khởi kiện lại yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Trần Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.025.000 (Ba triệu không trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

+ Chị Hà Thị Ngọc L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng khởi kiện chị đã nộp 1.625.000 (Một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tại biên lai thu số 0018112 ngày 06-01-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND H. Châu Thành;
- CCTHADS H.Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Liên